

TP Kon Tum, ngày tháng năm 2022

TỔNG HỢP MỤC LỤC CÔNG KHAI, MINH BẠCH CỦA UBND THÀNH PHỐ

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 03 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

STT	Nội dung	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
A	Danh mục công khai, minh bạch chung áp dụng chung cho các cơ quan, đơn vị thuộc UBND TP					
I	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch về thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động.					
1	1. Chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến công việc của cơ quan, đơn vị. 2. Kế hoạch công tác hàng năm, hàng quý, hàng tháng của cơ quan, đơn vị. 3. Tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm; hợp đồng làm việc, thay đổi chức danh nghề nghiệp, thay đổi vị trí làm việc, chấm dứt hợp đồng làm việc của viên chức; đi công tác nước ngoài, giải quyết chế độ, nâng bậc lương, nâng ngạch, đánh giá, xếp loại công chức, viên chức; khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức, viên chức. 4. Các vụ việc tiêu cực, tham nhũng trong cơ quan, đơn vị đã được kết luận. 5. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ cơ quan, đơn vị. 6. Các nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị. 7. Kết quả tiếp thu ý kiến của cán bộ, công chức, viên chức về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đưa ra lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức. 8. Văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lý cấp trên liên quan đến công việc của cơ quan, đơn vị.	Áp dụng một, một số hoặc tất cả các hình thức công khai: - Niêm yết tại cơ quan, đơn vị; - Thông báo tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức cơ quan, đơn vị; - Thông báo bằng văn bản gửi toàn thể cán bộ, công chức, viên chức; - Thông báo cho người phụ trách các bộ phận của cơ quan, đơn vị và yêu cầu họ thông báo đến cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các bộ phận đó; - Thông báo bằng văn bản đến cấp ủy trực tiếp, Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan, đơn vị; - Đăng trên trang thông tin nội bộ của cơ quan, đơn vị.	Chậm nhất là 03 ngày làm việc, trường hợp đặc biệt không quá 05 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành	Niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết	Thủ trưởng cơ quan, đơn vị	Điều 7, Điều 8 Nghị định 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ
2	Công khai việc thực hiện các quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan...	Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan đơn vị thực hiện công khai	Điểm b, khoản 1, Điều 17 Luật tiếp cận thông tin năm 2016
II	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch về thực hiện việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác					

STT	Nội dung	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
1	Kinh phí hoạt động hàng năm, bao gồm các nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn tài chính khác; quyết toán kinh phí hàng năm của cơ quan, đơn vị; tài sản, trang thiết bị của cơ quan, đơn vị; kết quả kiểm toán.	<p>Áp dụng một, một số hoặc tất cả các hình thức công khai sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Niêm yết tại cơ quan, đơn vị; - Thông báo tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức cơ quan, đơn vị; - Thông báo bằng văn bản gửi toàn thể cán bộ, công chức, viên chức; - Thông báo cho người phụ trách các bộ phận của cơ quan, đơn vị và yêu cầu họ thông báo đến cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các bộ phận đó; - Thông báo bằng văn bản đến cấp ủy trực tiếp, Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan, đơn vị; - Đăng trên trang thông tin nội bộ của cơ quan, đơn vị. 	Chậm nhất là 03 ngày làm việc, trường hợp đặc biệt không quá 05 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành	niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết	Thủ trưởng cơ quan, đơn vị	Khoản 3 Điều 7, Điều 8 Nghị định 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ
2	Công khai tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị (Biểu mẫu công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính)					
2.1	Công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày dự toán được phân bổ, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hoàn thành việc đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công	30 ngày	Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công	Điều 121 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 13/02/2018 của Chính phủ
2.2	Công khai tình hình sử dụng, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy và các hình thức xử lý khác đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị		trước ngày 31/01 hàng năm			Điều 122 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 13/02/2018 của Chính phủ
2.3	Công khai tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị		trước ngày 31/01 hàng năm			Điều 123 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 13/02/2018 của Chính phủ
3	Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản công	Ban hành sau khi có ý kiến tham gia của tổ chức công đoàn cơ quan và phải được công khai trong toàn cơ quan		Thường xuyên	Thủ trưởng đơn vị	Khoản 9 Điều 3 Thông tư liên tịch 71/2014/TTLT-BTC-BNV

STT	Nội dung	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
III	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch về công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn					
1	Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo Luật Phòng, chống tham nhũng 2018	Chọn một trong các hình thức sau: - Niêm yết - Thông báo bằng văn bản; - Phát hành ấn phẩm; - Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; - Đăng tải trên trang thông tin điện tử; - Tổ chức họp báo;	Ngày ban hành		Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương	Điều 26 Luật Phòng chống tham nhũng 2018
2	Đề án tinh giản biên chế và danh sách đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế		Ngày ban hành		Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương	Điều 17 Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNV ngày 21/01/2021
3	Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ công chức, viên chức		Ngày ban hành		Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương	Điều 17, 18, 19 Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020
4	Quyết định xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền hoặc Tòa án kết luận là bị oan, sai		Chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản kết luận của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền hoặc từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực		Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi cán bộ, công chức, viên chức làm việc	- Đối với cán bộ, công chức: Khoản 4 Điều 39 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ; - Đối với viên chức: Khoản 2 Điều 40 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ
B	Danh mục công khai, minh bạch thuộc ngành, lĩnh vực					
1	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch thuộc lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính, tiếp công dân					
1.1	Lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính					
	Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn thành phố	Niêm yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
	Công khai họ, tên, chức danh, số điện thoại của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Bộ phận Một cửa; họ, tên, chức danh, lĩnh vực công tác, số điện thoại của cán bộ, công chức, viên chức được cử đến làm việc tại Bộ phận Một cửa.	Tại nơi tiếp nhận hồ sơ và trên Trang thông tin điện tử thành phố	Khi Bộ phận Một cửa bắt đầu thành lập, đi vào hoạt động	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận, giải quyết TTHC	Khoản 7 Điều 9 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ
1.2	Lĩnh vực tiếp công dân					
	Lịch tiếp công dân của lãnh đạo UBND thành phố	Niêm yết tại trụ sở tiếp công dân	Niêm yết chậm nhất là 05 ngày làm việc, trước ngày tiếp công dân	Công khai thường xuyên	Ban tiếp công dân thành phố	Khoản 1, 4, Điều 24 Luật Tiếp công dân năm 2013

STT	Nội dung	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
	Thông tin về việc tiếp công dân: Nơi tiếp công dân; thời gian tiếp công dân; lịch tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị; thành phần tham dự, dự kiến nội dung tiếp công dân của các buổi tiếp công dân định kỳ.	Niêm yết tại trụ sở cơ quan, tổ chức, đơn vị, tại địa điểm tiếp công dân và công bố trên trang thông tin điện tử thành phố	Lịch tiếp công dân định kỳ được niêm yết chậm nhất là 05 ngày làm việc, trước ngày tiếp công dân	Công khai thường xuyên	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Khoản 2, 4, Điều 24 Luật Tiếp công dân năm 2013
	Nội quy tiếp công dân, hướng dẫn về quy trình tiếp công dân, quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Niêm yết tại địa điểm tiếp công dân thành phố	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Điều 19 Luật Tiếp công dân năm 2013
2	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch thuộc lĩnh vực Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng					
2.1	Công khai báo cáo hằng năm về công tác PCTN của UBND thành phố	Trên trang TTĐT của thành phố	Chậm nhất vào ngày làm việc cuối cùng của tháng 3		UBND thành phố	Điều 75 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ
2.2	Công khai địa chỉ đường dây nóng, hộp thư điện tử và các kênh tiếp nhận thông tin từ người dân và doanh nghiệp	Trên trang TTĐT của thành phố	Sau khi ban hành văn bản công bố	Thường xuyên	UBND thành phố	Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch 4331/KH-UBND
2.3	Lĩnh vực thanh tra					
	<i>* Lĩnh vực thanh tra</i>					
	Công khai kế hoạch thanh tra hàng năm đã được phê duyệt	Gửi cho Thanh tra tỉnh, đối tượng thanh tra; các cơ quan có liên quan	Sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch		Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch	Khoản 5 Điều 36 Luật Thanh tra 2010
	Công bố quyết định thanh tra hành chính	Cuộc họp	Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày ký quyết định thanh tra		Trưởng đoàn thanh tra	Điều 26 Nghị định 86/2011/NĐ-CP của Chính phủ
	Công khai Kết luận thanh tra, kết luận thanh tra lại, kiểm tra (trừ những nội dung trong kết luận thanh tra thuộc bí mật nhà nước)	- Công bố tại cuộc họp; - Trên Trang TTĐT của UBND thành phố	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra	Ít nhất 15 ngày	Chánh Thanh tra thành phố	Điều 46 Nghị định 86/2011/NĐ-CP của Chính phủ; Chương II Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 và Điều 2 Quyết định số 25/2020 ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh
	Báo cáo công tác thanh tra định kỳ hằng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm	Trên Trang TTĐT của UBND TP	Công khai toàn văn báo cáo, chậm nhất là 05 ngày làm việc; công khai bằng thông báo, chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành	Ít nhất 15 ngày	Thanh tra TP tham mưu UBND thành phố	Chương II Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 và Điều 2 Quyết định số 25/2020 ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh

STT	Nội dung	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
	<i>* Lĩnh vực xử lý sau thanh tra</i>					
	Kết quả thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra của đối tượng thanh tra, kiểm tra	Trên Trang TTĐT của UBND TP	Công khai bằng thông báo, chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành	Ít nhất 15 ngày	Người ký ban hành hoặc người thừa ủy quyền ký ban hành	Chương II Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 và Điều 2 Quyết định số 25/2020 ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh
	Kết quả xử lý vi phạm, sai phạm theo kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra, kiểm tra; của các cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp với cơ quan ban hành kết luận thanh tra, kiểm tra	Trên Trang TTĐT của UBND TP	Công khai bằng thông báo, chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành	Ít nhất 15 ngày	Người ký ban hành hoặc người thừa ủy quyền ký ban hành	Chương II Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 và Điều 2 Quyết định số 25/2020 ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh
	Kết quả kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan ban hành kết luận thanh tra, kiểm tra	Trên Trang TTĐT của UBND TP	Công khai bằng thông báo, chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành	Ít nhất 15 ngày	Người ký ban hành hoặc người thừa ủy quyền ký ban hành	Chương II Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 và Điều 2 Quyết định số 25/2020 ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh
	Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra hằng năm và kế hoạch điều chỉnh	Gửi cho đối tượng kiểm tra và công khai trên Trang Thông tin điện tử của UBND thành phố	Sau khi được ban hành		Chánh Thanh tra tỉnh	Khoản 1 Điều 11 Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của UBND tỉnh
	Kết quả kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra	Thông báo đến đối tượng kiểm tra và công khai trên Trang Thông tin điện tử của UBND TP	Kể từ khi ban hành Thông báo kết quả kiểm tra		Chánh Thanh tra thành phố	Khoản 5 Điều 11 Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của UBND tỉnh
2.4	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo					
	Quyết định giải quyết khiếu nại	- Chọn 1 trong các hình thức sau: Công bố tại cuộc họp cơ quan, tổ chức nơi người bị khiếu nại công tác; niêm yết. - Công khai trên Trang thông tin điện tử	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định giải quyết	Ít nhất 15 ngày	Người có thẩm quyền giải quyết	- Khoản 3 Điều 29 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. - Chương II Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 và Điều 2 Quyết định số 25/2020 ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh
	Kết luận nội dung tố cáo; Quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo	- Chọn 1 trong các hình thức sau: Công bố tại cuộc họp; Niêm yết; - Đăng tải trên trang thông tin điện tử	Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày ra kết luận nội dung tố cáo	Ít nhất 15 ngày	Người giải quyết tố cáo; người có thẩm quyền xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính	- Điều 40 Luật Tố cáo năm 2018; Điều 6 Nghị định 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2021 của Chính Phủ. - Chương II Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 và Điều 2 Quyết định số 25/2020 ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh

STT	Nội dung	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
	Kết quả xử lý các vụ việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Trên Trang TTĐT của UBND thành phố	Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành kết luận, kết quả (đối với việc công khai toàn văn) hoặc trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành thông báo kết luận, kết quả (đối với việc công khai bằng thông báo)	Ít nhất 15 ngày	Người ký ban hành, hoặc người được ủy quyền ký ban hành	Chương II Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 và Điều 2 Quyết định số 25/2020 ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh
	Báo cáo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh định kỳ hằng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm	Niên yết tại trụ sở Thanh tra thành phố	Công khai toàn văn báo cáo, chậm nhất là 05 ngày làm	Ít nhất 15 ngày	Người ký ban hành hoặc người được ủy quyền ký ban hành	Chương II Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 và Điều 2 Quyết định số 25/2020 ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh
	Kết quả theo dõi, đôn đốc việc thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo	Niên yết tại trụ sở	Sau khi ban hành thông báo		Thanh tra thành phố	Khoản 5, Điều 8 Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 25/2/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh
	Kết quả kiểm tra việc thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo	Niên yết tại trụ sở	Sau khi ban hành thông báo		Thanh tra thành phố	Khoản 6, Điều 10 Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 25/2/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2.5	Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng					
	Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai TSTN tại Thanh tra thành phố	Niên yết tại Trụ sở	Chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày ban giao bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát TSTN	Niên yết 15 ngày	Thanh tra tỉnh	Điểm b, c, d khoản 1; khoản 2, 3, 4 Điều 11 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ
	Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	Công bố tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm			Người chủ trì cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm	Điều 12 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ
	Công khai Kết luận xác minh TSTN	Niên yết tại Trụ sở hoặc công bố tại cuộc họp	Trong thời hạn 05 ngày là việc kể từ ngày ban hành Kết luận xác minh TSTN	Niên yết 15 ngày	Người ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập	Điều 50 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018
	Công khai quyết định kỷ luật đối với người có hành vi vi phạm quy định về kiểm soát TSTN	Niên yết tại Trụ sở		Niên yết 15 ngày	Thanh tra thành phố	Điều 23 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ
	Công khai quyết định hủy bỏ việc tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác.	Niên yết tại Trụ sở	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định	Niên yết 15 ngày	Người ban hành quyết định	Điều 49 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ

STT	Nội dung	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
	Công khai Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng định kỳ hằng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm.	Niên yết tại Trụ sở	Công khai toàn văn báo cáo, chậm nhất là 05 ngày làm việc; Công khai bằng thông báo, chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành	Ít nhất 15 ngày	Người ký ban hành hoặc người thừa ủy quyền ký ban hành	Chương II Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 và Điều 2 Quyết định số 25/2020 ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh
3	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch thuộc lĩnh vực nội vụ					
3.1	Công tác tổ chức cán bộ, quy tắc ứng xử của người có nhiệm vụ quyền hạn					
	Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo Luật Phòng, chống tham nhũng 2018	Chọn một trong các hình thức sau: - Niêm yết - Thông báo bằng văn bản; - Phát hành ấn phẩm; - Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; - Đăng tải trên trang thông tin điện tử; - Tổ chức họp báo;	Ngày ban hành		Thu trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương	Điều 26 Luật Phòng chống tham nhũng 2018
	Đề án tinh giản biên chế và danh sách đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế		Ngày ban hành		Thu trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương	Điều 17 Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNV ngày 21/01/2021
	Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ công chức, viên chức		Ngày ban hành		Thu trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương	Điều 17, 18, 19 Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020
	Quyết định xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền		Chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản kết		Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi cán bộ, công	- Đối với cán bộ, công chức: Khoản 4 Điều 39 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020
3.2	Lĩnh vực Tổ chức bộ máy và Xây dựng chính quyền					
	Đề án và dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính	Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan...	Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan đơn vị thực hiện công khai	Điểm c, khoản 1, Điều 17 Luật tiếp cận thông tin năm 2016
	Công khai đối thoại với thanh niên	Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan...	30 ngày trước ngày tổ chức đối thoại;	10 ngày kể từ ngày đối thoại	Cơ quan đơn vị thực hiện công khai	Điểm b, khoản 1, Điều 17 Luật tiếp cận thông tin năm 2016
3.3	Lĩnh vực Công chức, viên chức					
	Thông báo tuyển dụng công chức, viên chức	- Ít nhất 01 lần trên phương tiện thông tin đại chúng (báo in, báo điện tử, báo nói, báo hình); - Đăng tải trên cổng/trang thông tin điện tử; - Niêm yết	Ngày ban hành	30 ngày	Cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng	Điều 13 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020; Điều 14 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020
	Danh sách đủ điều kiện dự tuyển	- Đăng tải trên cổng/trang thông tin điện tử; - Niêm yết			Hội đồng tuyển dụng	Điều 14 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020; Điều 15 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020

STT	Nội dung	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
	Quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng	- Đăng tải trên công/trang thông tin điện tử	10 ngày kể từ ngày có quyết định		Hội đồng tuyển dụng	Điều 15 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020; Điều 16 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020
	Công khai trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển	Công/trang thông tin điện tử	Ngày ban hành		- Đối với công chức: UBND tỉnh; - Đối với viên chức: Thủ trưởng các đơn vị, địa phương	- Đối với cán bộ, công chức: Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ; - Đối với viên chức: Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ
	Thông báo kết quả thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	Đăng tải trên công/trang thông tin điện tử	10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chấm thi		Hội đồng thi	Điều 40 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020
	Thông báo tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng và chức danh công chức cấp xã cần tuyển, thời hạn và địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển	Đăng tải trên trang thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở	Ngày ban hành	30 ngày	Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng công chức	Khoản 8, Điều 1 Nghị định 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ
	Thông báo danh sách người có đủ điều kiện dự tuyển	Niêm yết công khai tại trụ sở làm việc	Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển	30 ngày	Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng công chức	Khoản 8, Điều 1 Nghị định 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ
	Thông báo kết quả tuyển dụng	Niêm yết công khai tại trụ sở làm việc	Chậm nhất là 10 ngày sau ngày nhận được báo cáo kết quả vòng 2 của Hội đồng tuyển dụng hoặc Phòng Nội vụ cấp huyện	30 ngày	Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng công chức	Khoản 10, Điều 1 Nghị định 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ
	Thông báo quyết định hủy kết quả trúng tuyển đối với các trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc Hội đồng tuyển dụng phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định	Công báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; trên trang thông tin điện tử của cơ quan .	Ngày ban hành	30 ngày	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện	Khoản 10, Điều 1 Nghị định 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ
4	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch thuộc lĩnh vực tư pháp					
4.1	Lĩnh vực chứng thực:					

STT	Nội dung	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
	Chứng thực bản sao từ bản chính	Niêm yết tại Trụ sở Phòng Tư pháp và trụ sở Tiếp nhận và trả kết quả của thành phố	Từ khi có quy định	2000 đồng/trang, từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, nhưng tối đa không thu quá 200.000 đồng/trang	Công chức phụ trách chứng thực	Điều 4 Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
	Chứng thực chữ ký	Niêm yết tại Trụ sở Phòng Tư pháp và trụ sở Tiếp nhận và trả kết quả của thành phố	Từ khi có quy định	10.000 đồng/trường hợp	Công chức phụ trách chứng thực	
4.2	Lĩnh vực hộ tịch:					
	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Niêm yết tại Trụ sở Phòng Tư pháp và trụ sở Tiếp nhận và trả kết quả của thành phố	Từ khi có quy định	75.000 đồng/trường hợp	Công chức phụ trách hộ tịch	Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND, ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum
	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Niêm yết tại Trụ sở Phòng Tư pháp và trụ sở Tiếp nhận và trả kết quả của thành phố	Từ khi có quy định	1.000.000 đồng/lần	Công chức phụ trách hộ tịch	
	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Niêm yết tại Trụ sở Phòng Tư pháp và trụ sở Tiếp nhận và trả kết quả của thành phố	Từ khi có quy định	75.000 đồng/trường hợp	Công chức phụ trách hộ tịch	
	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Niêm yết tại Trụ sở Phòng Tư pháp và trụ sở Tiếp nhận và trả kết quả của thành phố	Từ khi có quy định	1.500.000 đồng/trường hợp	Công chức phụ trách hộ tịch	
	Đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ	Niêm yết tại Trụ sở Phòng Tư pháp và trụ sở Tiếp nhận và trả kết quả của thành phố	Từ khi có quy định	75.000 đồng/trường hợp	Công chức phụ trách hộ tịch	
	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài	Niêm yết tại Trụ sở Phòng Tư pháp và trụ sở Tiếp nhận và trả kết quả của thành phố	Từ khi có quy định	28.000 đồng/trường hợp	Công chức phụ trách hộ tịch	
	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Niêm yết tại Trụ sở Phòng Tư pháp và trụ sở Tiếp nhận và trả kết quả của thành phố	Từ khi có quy định	75.000 đồng/trường hợp	Công chức phụ trách hộ tịch	
	Đăng ký hộ tịch khác	Niêm yết tại Trụ sở Phòng Tư pháp và trụ sở Tiếp nhận và trả kết quả của thành phố	Từ khi có quy định	75.000 đồng/trường hợp	Công chức phụ trách hộ tịch	
5	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch thuộc lĩnh vực kế hoạch và Đầu tư					

STT	Nội dung	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
	<p>a) Kế hoạch, chương trình đầu tư công trên địa bàn; vốn bố trí cho từng chương trình theo từng năm, tiến độ thực hiện và giải ngân vốn chương trình đầu tư công;</p> <p>b) Danh mục dự án trên địa bàn, bao gồm quy mô, tổng mức đầu tư, thời gian, địa điểm;</p> <p>c) Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm, bao gồm danh mục dự án và mức vốn đầu tư công bố trí cho từng dự án;</p> <p>d) Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án;</p> <p>e) Tiến độ thực hiện và giải ngân của dự án;</p> <p>f) Quyết toán vốn đầu tư công.</p>	Công khai trên phương tiện thông tin đại chúng...	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	UBND thành phố	Điều 14 Luật Đầu tư công năm 2019
6	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch thuộc lĩnh vực tài chính					
6.1	Lĩnh vực Tài chính đầu tư					
1	Công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước	Niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan và công bố trong hội nghị cơ quan	- Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày ký văn bản; - Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu: chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày có kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt		UBND thành phố	Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính
2	Công khai danh sách các nhà thầu vi phạm thời gian lập hồ sơ quyết toán	Trên Báo Đấu thầu, hệ thống mạng đấu thầu quốc gia			UBND thành phố	Khoản 2 Điều 52 Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 11/11/ 2021
3	Công khai danh sách các dự án do các chủ đầu tư, ban quản lý dự án vi phạm thời gian lập báo cáo quyết toán	Lựa chọn các hình thức: niêm yết, thông báo bằng văn bản; phát hành ấn phẩm; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; cổng/trang thông tin điện tử; hạp báo			UBND thành phố	Khoản 3 Điều 52 Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 11/11/2021
6.2	Lĩnh vực Quản lý ngân sách					
6.2.1	Công khai ngân sách thành phố và ngân sách cấp thành phố					
a	Công khai chi tiêu, biểu mẫu, thuyết minh làm căn cứ trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định dự toán ngân sách huyện và phân bổ ngân sách cấp thành phố		Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện			

STT	Nội dung	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
b	Công khai số liệu dự toán ngân sách thành phố và phân bổ ngân sách cấp thành phố đã được Hội đồng nhân dân quyết định	<ul style="list-style-type: none"> - Công bố trên trang thông tin điện tử thành phố; - Lựa chọn thêm hình thức: công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng 	Chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày dự toán ngân sách huyện được Hội đồng nhân dân quyết định	Ít nhất 30 ngày đối với hình thức công khai thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân huyện	Ủy ban nhân dân thành phố	Điều 11, 12, 13, 14 Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính
c	Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thành phố quý (06 tháng, năm) đã được báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố		<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo quý, 06 tháng: chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng. - Báo cáo hằng năm được công khai khi Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện 			
d	Công khai số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách thành phố đã được Hội đồng nhân dân thành phố phê chuẩn		Chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày quyết toán ngân sách huyện được Hội đồng nhân dân phê chuẩn			
4	Công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách					
a	Công khai dự toán ngân sách		Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày được đơn vị dự			

STT	Nội dung	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
b	Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm)	Được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức: công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; đưa lên trang thông tin điện tử; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng; đối với đơn vị có Cổng thông tin điện tử thì phải thực hiện công khai ngân sách qua Cổng thông tin điện tử của đơn vị mình.	Báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hằng quý, 6 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước hằng năm được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày đơn vị báo cáo đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp		Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố	Điều 3, 4, 5, 6 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính
c	Công khai quyết toán ngân sách nhà nước		Công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày được đơn			
6.3	Về Phí, lệ phí					
	Công khai tên phí, lệ phí, mức thu, phương thức thu, đối tượng nộp, miễn, giảm và văn bản quy định thu phí, lệ phí	Niêm yết công khai tại địa điểm thu;		Thường xuyên	Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố	Khoản 1, Điều 14, Luật phí, lệ phí 2015
7	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch thuộc lĩnh vực xây dựng					
7.1	Lĩnh vực Quản lý hoạt động xây dựng					
	Giấy phép xây dựng	Trên trang thông tin điện tử của cơ quan	Sau khi cấp giấy phép xây dựng	Công khai thường xuyên	Cơ quan cấp giấy phép xây dựng (UBND TP)	Khoản 1 Điều 55 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ
	Quyết định thu hồi giấy phép xây dựng	Trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy phép xây dựng; tại UBND cấp xã nơi có công trình	Sau khi ban hành quyết định	Công khai thường xuyên	Cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy phép xây dựng; UBND TP	Điểm b khoản 2 Điều 53 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ
	Quyết định hủy giấy phép xây dựng	Trên trang thông tin điện tử của cơ quan thu hồi giấy phép xây dựng và tích hợp trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng	Sau khi ban hành quyết định	Công khai thường xuyên	UBND TP	Điểm d khoản 2 Điều 53 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ
7.2	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng					

STT	Nội dung	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
	Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	Đăng tải trên trang thông tin điện tử; thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng...	Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	Công khai thường xuyên	Cơ quan tổ chức lập, cơ quan lập, cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng (UBND TP)	- Khoản 13, 14 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch và khoản 3 Điều 40 Luật Xây dựng năm 2014; - Khoản 12 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch và khoản 3 Điều 53 Luật Quy hoạch đô thị
8	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường					
8.1	Về lĩnh vực đất đai					
	Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện	Công khai trên cổng trang thông tin điện tử và niêm yết tại Trang thông tin điện tử thành phố	30 ngày kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt	Trong suốt kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	UBND cấp huyện	Điều 48 Luật Đất đai 2013
	Công khai nội dung của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để lấy ý kiến đóng góp của Nhân dân	Cấp huyện: tổ chức hội nghị, lấy ý kiến trực tiếp và công khai trên trang thông tin điện tử của UBND Cấp tỉnh và UBND Cấp huyện.	Kể từ ngày ký văn bản	30 ngày kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định tổ chức lấy ý kiến	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Khoản 2 Điều 43 Luật Đất đai 2013
	Công khai bảng giá đất 05 năm	Công khai trên trang thông tin điện tử và niêm yết tại Trang thông tin điện tử thành phố	Kể từ ngày ký quyết định phê duyệt	Công khai vào ngày 01 tháng 01 của năm đầu kỳ	UBND huyện	Điều 114 Luật Đất đai 2013
	Công khai báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của nhân dân về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Công khai trên cổng/trang thông tin điện tử thành phố	Kể từ ngày ban hành thông báo	Công khai thường xuyên	Cơ quan có trách nhiệm lấy ý kiến	Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014
	Công khai các dự án đầu tư không đưa đất vào sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc chậm tiến độ sử dụng đất 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư; các dự án được gia hạn; các dự án chậm tiến độ sử dụng đất vì lý do bất khả kháng	Công khai trên trang thông tin điện tử và niêm yết tại Trang thông tin điện tử thành phố	Kể từ ngày lập biên bản xác định hành vi vi phạm	Công khai thường xuyên	Cơ quan kiểm tra, rà soát	Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014
	Niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất	Tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất	Kể từ ngày họp tổ chức lấy ý kiến	Niêm yết 15 ngày	UBND cấp xã, phường, thị trấn	Khoản 2, 3 Điều 70 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014
	Thu hồi, huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Công khai trên trang thông tin điện tử thành phố	Kể từ ngày ký Quyết định	Thường xuyên	Ủy ban nhân dân thành phố	Khoản 7 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014

STT	Nội dung	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
	Công khai kết quả kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, nhà ở và công trình đã xây dựng.	Công khai trên trang thông tin điện tử thành phố	Kể từ ngày ban hành thông báo	Công khai thường xuyên	Cơ quan tổ chức kiểm tra	Khoản 22 Điều 01 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020
8.2	Lĩnh vực khoáng sản					
	Công khai danh sách khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Công khai trên trang thông tin điện tử và niêm yết tại Trang thông tin điện tử thành phố	Thời gian 07 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Công khai thường xuyên	Cơ quan quản lý lĩnh vực khoáng sản tại địa phương tham mưu	Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016
	Công khai danh mục khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá, kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản hàng năm	Công khai trên trang thông tin điện tử và niêm yết tại Trang thông tin điện tử thành phố	Kể từ ngày ký quyết định phê duyệt	Công khai thường xuyên	Cơ quan quản lý lĩnh vực khoáng sản tại địa phương tham mưu	Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012
	Thông báo công khai về việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh	Công khai trên trang thông tin điện tử và niêm yết tại Trang thông tin điện tử thành phố	Kể từ ngày ký văn bản	30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân đầu tiên	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ	Khoản 1 Điều 58 Nghị định số 158/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
	Thông báo, đăng tải thông tin về phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Công khai trên trang thông tin điện tử và niêm yết tại Trang thông tin điện tử thành phố	Kể từ ngày ký văn bản	ít nhất 02 lần, mỗi lần cách nhau 03 (ngày)	Cơ quan có thẩm quyền tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Điều 18 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012
8.3	Về lĩnh vực bảo vệ môi trường					
	Công khai thông tin về quy hoạch bảo vệ môi trường	Công khai trên trang thông tin điện tử thành phố	Không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành	Công khai thường xuyên	Người ban hành	Khoản 4 Điều 7 Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015
	Báo cáo đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường	Công khai trên trang thông tin điện tử thành phố	Kể từ ngày ký quyết định	Công khai thường xuyên	Người ban hành	Điểm a khoản 1 Điều 131 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014
	- Thông tin về nguồn thải, chất thải, xử lý chất thải; - Khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái ở mức nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; - Các báo cáo về môi trường; - Kết quả thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường.	Công khai trên trang thông tin điện tử thành phố	Kể từ ngày ký văn bản	Công khai thường xuyên	Cơ quan quản lý lĩnh vực môi trường tại địa phương	Điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 131 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014
	Kế hoạch quản lý môi trường của dự án trên cơ sở chương trình quản lý và giám sát môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường	Niêm yết công khai tại UBND xã nơi tham vấn ý kiến trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Kể từ ngày ký văn bản phê duyệt	Công khai thường xuyên	Người ban hành	Khoản 2 Điều 16 Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015
8.4	Lĩnh vực đấu giá quyền sử dụng đất					

STT	Nội dung	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
	Thông báo công khai về việc lựa chọn Tổ chức bán đấu giá tài sản	Trên Trang thông tin điện tử của mình và trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản (Trên Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản – Bộ Tư pháp)	Từ ngày phát hành thông báo	Ít nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày phát hành thông báo	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Kon Tum	Khoản 2 Điều 11 Quy định kèm theo Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 và Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2016; Văn bản số 95/BTP-BTTP ngày 17/3/2020; Điểm 2 Văn bản số 1032/BTP-BTTP ngày 23/3/2020
	Quy chế đấu giá	Niêm yết tại Tổ chức bán đấu giá tài sản được lựa chọn và trong hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá	Từng cuộc đấu giá trước ngày niêm yết việc đấu giá tài sản		Tổ chức bán đấu giá tài sản được lựa chọn	Điều 34 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
	Niêm yết và thông báo công khai việc đấu giá tài sản	Báo in hoặc báo hình của trung ương hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có tài sản đấu giá và trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản (Trên Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản – Bộ Tư pháp)	Từ ngày phát hành Niêm yết và Thông báo	Ít nhất 17 ngày làm việc kể từ ngày phát hành thông báo	Tổ chức bán đấu giá tài sản được lựa chọn	Điều 35, khoản 1, 3 Điều 57 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
	Xem tài sản đấu giá	Trực tiếp xem tài sản hoặc mẫu tài sản	Kể từ ngày niêm yết việc đấu giá tài sản cho đến ngày mở cuộc đấu giá	Trong khoảng thời gian liên tục ít nhất là 02 ngày	Tổ chức bán đấu giá tài sản được lựa chọn	Điều 36 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
8.5	Lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
	Công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	Gửi đến người có đất bị thu hồi và niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi	Thời gian niêm yết công khai và tiếp nhận ý kiến đóng góp ít nhất là hai mươi (20) ngày, kể từ ngày đưa ra niêm yết	Ít nhất là hai mươi (20) ngày	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	Điểm d Khoản 2 Điều 5 Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của UBND tỉnh
	Thông báo kết quả phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	Niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã và địa điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi; gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người có đất bị thu hồi	Không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt		Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	Điểm a Khoản 6 Điều 5 Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của UBND tỉnh

STT	Nội dung	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
	Thông báo thu hồi đất	Gửi đến từng người có đất thu hồi, họp phổ biến đến người dân trong khu vực có đất thu hồi và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi	Kể từ ngày ký văn bản	Công khai thường xuyên	Người ban hành quyết định	Khoản 1 Điều 69 Luật Đất đai 2013
	Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc	Công khai tại trụ sở UBND cấp xã, tại địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi	Kể từ ngày ký văn bản	Công khai thường xuyên	Người ban hành quyết định	Điểm b khoản 2 Điều 70 Luật Đất đai 2013
	Quyết định cưỡng chế thu hồi đất	Niem yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi	Kể từ ngày ký văn bản	Công khai thường xuyên	Người ban hành quyết định	Điều 71 Luật Đất đai 2013
	Dự kiến phương án bố trí tái định cư	Công khai tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi và tại nơi tái định cư trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án bố trí tái định cư	Kể từ ngày ký văn bản	Ít nhất là 15 ngày	Người ban hành quyết định	Điều 86 Luật Đất đai 2013
9	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông					
	Các thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông	Niem yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
	Các thủ tục hành chính trong ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Niem yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
10	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch thuộc lĩnh vực lao động - TB&XH					
	Trợ giúp xã hội đối với đối tượng Bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố	Niem yết tại trụ sở phòng LĐ-TB&XH thành phố và trụ sở Tiếp nhận và trả kết quả của thành phố			Cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội	Điều 4, 5, 6 Quyết định số 31/2011/QĐ-TTg ngày 02/6/2011

STT	Nội dung	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
11	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo					
11.1	Đối với cơ sở giáo dục mầm non					
1	Công khai thu chi tài chính: Tình hình tài chính; các khoản chi theo từng năm học; chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội; kết quả kiểm toán (nếu có)	Niêm yết công khai; đưa lên trang thông tin điện tử của đơn vị	Tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan	Niêm yết ít nhất 30 ngày	Cơ sở giáo dục	Điểm a, c, d, đ Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2019
2	Học phí và các khoản thu khác từ người học	Niêm yết; đưa lên trang thông tin điện tử của đơn vị; phổ biến hoặc phát tài liệu công khai trong cuộc họp phụ huynh	Tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan	Niêm yết ít nhất 30 ngày	Cơ sở giáo dục	Điểm b Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2019
11.2	Đối với cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục chuyên biệt					
	Công khai thu chi tài chính: Tình hình tài chính; các khoản chi theo từng năm học; chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội; kết quả kiểm toán (nếu có); chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học	Niêm yết công khai; đưa lên trang thông tin điện tử của đơn vị	Tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan	Niêm yết ít nhất 30 ngày	Cơ sở giáo dục	Điểm a, c, Khoản 3, Điều 5 Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2019
	Học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học	Niêm yết; đưa lên trang thông tin điện tử của đơn vị; phổ biến hoặc phát tài liệu công khai trong cuộc họp phụ huynh	Tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan	Niêm yết ít nhất 30 ngày	Cơ sở giáo dục	Điểm b Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2019
11.3	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo					
	Công khai thông tin về cấp, chỉnh sửa, thu hồi, hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ	Công bố trên trang thông tin điện tử của đơn vị	Khi có thông tin về cấp, chỉnh sửa, thu hồi, hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ	Niêm yết ít nhất 30 ngày	Sở GDĐT, Phòng GDĐT	Điều 26 Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019
	Quyết định chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông từ thực sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông từ thực hoạt động không vì lợi nhuận.	Niêm yết công khai; đưa lên trang thông tin điện tử của đơn vị	Đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan	Niêm yết ít nhất 30 ngày	Sở GDĐT; Phòng GDĐT; Các cơ sở giáo dục	Khoản 2, Điều 6; Khoản 2, Điều 7 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020
	Quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục đối với nhà trường; Quyết định sáp nhập, chia, tách, giải thể nhà trường;	Công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.	Đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan	Niêm yết ít nhất 30 ngày	Sở GDĐT; Phòng GDĐT; Các cơ sở giáo dục	Khoản 2 Điều 50; Khoản 3 Điều 51 Luật Giáo dục năm 2019
12	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch thuộc lĩnh vực Y tế					
C	Danh mục công khai, minh bạch về thủ tục hành chính					
	<i>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố</i>					

STT	Nội dung	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
1	Lĩnh vực Chứng thực - Hộ tịch	Niên yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
2	Lĩnh vực Đầu tư - Kinh doanh	Niên yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
3	Lĩnh vực Công thương	Niên yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
4	Lĩnh vực Văn hóa - Thông tin	Niên yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
5	Lĩnh vực Xây dựng	Niên yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
6	Lĩnh vực Lao động - Thương binh & Xã hội	Niên yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ

STT	Nội dung	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
7	Lĩnh vực Địa chính - Môi trường	Niên yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
8	Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo	Niên yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
9	Lĩnh vực Nội chính	Niên yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
10	Lĩnh vực Khiếu nại - Tố cáo	Niên yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
11	Lĩnh vực phòng chống tham nhũng	Niên yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ